CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VỆ SINH CÔNG NGHIỆP ĐÀ NẴNG SONGANHHYG

PHIẾU THÔNG SỐ KỸ THUẬT (TDS) — Permethrin 50EC (Perme UK 50EC)

Bản chuẩn hóa Thông số Kỹ thuật (TDS) SONGANHHYG tổng hợp từ Nhãn chai Perme UK 50EC (VNDP-HC-386-08-13) & SDS Alderelm Limited UK

SAH-APR-PCS-06
HẠNG C • CHỈ KTV



Permethrin 50EC (Perme UK 50EC)

Thương hiệu / Xuất xứ: Alderelm / Hockley UK — Vương quốc Anh (SX: Alderelm Limited, Manchester M22 5LB, UK; ĐK tại VN: Công ty TNHH DV & TM Song Phương)

Số ĐKLH Bộ Y tế / BVTV: `VNDP-HC-386-08-13 (Bộ Y tế – Cục Quản lý Môi trường Y tế, xác thực trên nhãn sau chai)` • **Dạng thuốc:** EC (Nhũ tương đậm đặc / Emulsifiable Concentrate — pH dung dịch pha loãng 3–6,5; FP 50°C SCC)

Quy cách đóng gói: Chai nhựa HDPE 1 Lít (1000 mL) nhập khẩu Anh Quốc, hạn dùng 3 năm

Đối tượng kiểm soát: Muỗi, gián, ruồi trong gia dụng và y tế

Nguồn tham chiếu gốc: https://pestakill.com/san-pham/perme-uk-50ec/

1. Thông số Lý hóa, Hoạt chất & Pháp lý Lưu hành

Hoạt chất & Số CAS	**Permethrin (25:75) Technical 50% w/v + chất trợ lực Piperonyl Butoxide 10–30% + dung môi Hydrocarbons C9 Aromatics 10–30%** • CAS: `52645-53-1; 51-03-6; 78-83-1`
Trạng thái, Màu & Mùi	Dung dịch nhũ tương đậm đặc (EC) nhập khẩu UK
Độ pH tiêu chuẩn	3,0 – 6,5 (dung dịch pha loãng)
Điểm chớp cháy / An toàn cháy	50°C SCC (Setaflash đóng kín) — H226 dễ cháy
Tỷ trọng / Độc tính & Hạn dùng	ATE uống 3.200 mg/kg; ATE hít 3,0 mg/L • 03 năm kể từ ngày sản xuất (UN 1993, Class 3 PG III)
Phân loại nguy hại GHS	**Danger (Nguy hiểm)** — Flam. Liq. 3 (H226), Asp. Tox. 1 (H304), Eye Dam. 1 (H318), Skin Sens. 1 (H317), Acute Tox. 4 Inhalation (H332), STOT SE 3 (H335/H336), Aquatic Acute/Chronic 1 (H400/H410); UN 1993 Class 3 PG III

2. Định mức Pha chế & Phương pháp Ứng dụng Chuẩn Nhà sản xuất

Phương pháp / Chế độ	Tỷ lệ pha / Liều lượng	Định mức diện tích & Hiệu lực tồn lưu
Phun tồn lưu diệt muỗi	**250 mL Perme UK 50EC / 10 Lít nước**	Phun 1 Lít dung dịch pha cho 20 m^2 bề mặt tường vách
Phun diệt gián	**50 mL Perme UK 50EC / 10 Lít nước**	Phun kỹ vào góc tường, khe kẹt, chân tủ nơi gián qua lại
Phun không gian ULV	**100 mL Perme UK 50EC / 1 Lít nước**	Phun 20 mL dung dịch pha/nhà hoặc định mức 1 Lít/ha
Ngâm tẩm mùng màn	**3,6 mL/377 mL (đơn) · 6,6 mL/695 mL (đôi)**	Ngâm đều 5 phút, để ráo và phơi râm thoáng mát

3. Khóa An toàn Hiện trường, PPE, Cách ly & Giải độc

Khóa định lượng & Cấp phát	Ống đong chia vạch dùng riêng tại khu vực thông gió tốt, cách ly tuyệt đối nguồn nhiệt/tia lửa (Flam. Liq. 3, FP 50°C) • **Chỉ Kỹ thuật viên Kiểm soát Côn trùng đã đào tạo SAH-CHM-08 & có Lệnh công tác (CẤM tạp vụ sử dụng)**
Khu vực ĐƯỢC PHÉP	Văn phòng ngoài giờ, trường học, bệnh viện, khách sạn, chung cư, nhà máy, kho xưởng, hành lang kỹ thuật (khi không có người)
Khu vực BỊ CẤM / Hạn chế	**CẤM phun trong phòng có trẻ em/người bệnh; CẤM tiếp xúc kim loại nhạy cảm (trừ nhôm & thiếc); CẤM gần nguồn lửa trần/tia lửa điện; CẤM xả xuống cống rãnh/nguồn nước**
PPE & Thời gian cách ly	**PPE:** Kính bảo hộ kín chống tổn thương mắt nghiêm trọng (H318), mặt nạ lọc hơi hữu cơ (EN 140/P2-A), găng tay Nitrile/Viton (0,4 mm), quần áo bảo hộ, ủng cao su • **Cách ly bắt buộc: Tối thiểu 30 – 60 phút sau khi phun và thông gió tự nhiên hoàn toàn trước khi mở cửa lại**
Thuốc giải độc & Sơ cứu	Không có thuốc giải độc đặc hiệu (điều trị triệu chứng; lưu ý nguy cơ sặc phổi H304 nếu nôn). Mắt: Rửa nước cất/nước sạch >= 15 phút và đưa khám cấp cứu gấp (H318). Da: Cởi đồ bẩn, rửa xà phòng & nhiều nước. Hít: Đưa ra vùng thoáng khí. Nuốt: KHÔNG gây nôn, súc miệng, đưa cấp cứu ngay kèm nhãn & SDS.

Lưu ý kiểm định kỹ thuật SONGANHHYG: Chế phẩm nhập khẩu nguyên chai từ Vương quốc Anh, chứa chất trợ lực Piperonyl Butoxide tăng hiệu lực hạ gục; lưu ý PCCC chất lỏng dễ cháy cấp 3. Tuyệt đối tuân thủ thời gian cách ly **Tối thiểu 30 – 60 phút sau khi phun và thông gió tự nhiên hoàn toàn trước khi mở cửa lại** và thông báo Ban Quản lý tòa nhà trước khi triển khai.